

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 7 năm 2021 so với:				%
	Kỳ gốc 2019	Tháng 7 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 6 năm 2021	Chỉ số giá bình quân 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	105,00	103,33	102,47	100,37	102,78
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	106,83	101,65	101,18	100,85	102,77
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	109,85	106,19	103,66	100,66	108,93
Thực phẩm	108,93	101,17	101,01	101,24	101,72
Ăn uống ngoài gia đình	99,95	99,93	100,00	100,00	101,49
Đồ uống và thuốc lá	103,45	100,53	100,45	100,02	101,04
May mặc, mũ nón và giày dép	104,71	101,73	101,18	99,98	101,79
Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	109,68	107,30	105,00	98,65	104,06
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,52	100,72	100,22	100,04	101,10
Thuốc và dịch vụ y tế	100,14	100,11	100,04	100,00	100,11
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	102,93	116,39	113,76	102,95	107,89
Bưu chính viễn thông	99,41	99,40	99,51	99,95	99,54
Giáo dục	101,67	100,70	100,00	100,00	100,70
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	101,76	100,70	100,00	100,00	100,70
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,18	99,55	99,57	100,00	98,89
Hàng hóa và dịch vụ khác	102,73	101,55	100,91	99,90	102,66
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	126,88	105,51	98,43	97,39	115,73
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,49	99,29	99,36	100,01	99,12